

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 686/2019/DS-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Chu Mạnh Tường

2/- Bà Nguyễn Thị Châu Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 449/2019/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 291/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Thiên T

Thường trú: 201/50 Nguyễn Thái Sơn, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Lê Công T1

Thường trú: 46 Đường 37, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tranh tụng tại tòa, bà Nguyễn

Huỳnh Thiên T là nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ là bạn bè nên vào ngày 12/5/2018 bà có vay dùm cho ông Lê Công T1 tại Ngân hàng Standard Chartered số tiền 109.000.000 đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng), mục đích vay dùm cho ông T1 để làm vốn làm ăn. Việc vay mượn hai bên có viết bản thỏa thuận, lãi suất 0,6% /tháng, ông T1 có trách nhiệm đóng trả góp hàng tháng là 3.832.117 đ (Ba triệu tám trăm ba mươi hai ngàn một trăm mười bảy đồng) góp trong vòng 36 tháng, hạn đóng góp trước ngày 15 mỗi tháng. Nếu sau 03 tháng ông T1 không đóng đầy đủ thì bà sẽ nhờ các cơ quan chức năng can thiệp và ông T1 phải hoàn trả toàn bộ số tiền còn lại theo đúng số tiền gốc và lãi từ ngân hàng trước hạn 36 tháng.

Thực hiện hợp đồng ông T1 chỉ góp tiền cho bà đến tháng 02/2019 sau đó ngưng không góp nữa nên vào ngày 08/5/2019 ông T1 có viết giấy cam kết sẽ thực hiện hoàn trả hết toàn bộ số tiền còn nợ cho bà từ ngày 01/6/2019 đến ngày 10/6/2019 nhưng đến nay ông T1 vẫn không thực hiện, do đó bà có đơn khởi kiện. Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Lê Công T1 phải trả lại cho bà toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/6/2019 là 106.674.699 đ (Một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng). Trong đó gồm tiền gốc là: 84.957.538 đ (Tám mươi bốn triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi tám đồng) và số tiền lãi là: 21.717.161 đ (Hai mươi một triệu bảy trăm mười bảy ngàn một trăm sáu mươi một đồng).

Ngoài ra bà yêu cầu ông Lê Công T1 phải trả thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền phải trả cho bà theo mức lãi suất 16 %/năm. Số tiền trên bà yêu cầu ông Lê Công T1 trả một lần sau khi quyết định bản án có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên sau đó tại các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được tại tòa bà chỉ yêu cầu ông T1 phải thanh toán cho bà số tiền gốc là 84.957.538 đ (Tám mươi bốn triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi tám đồng) và thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh tính từ ngày 12/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền phải trả cho bà theo mức lãi suất 0,6 %/ tháng. Về số tiền bà đứng ra vay dùm cho ông T1 ở Ngân hàng Standard Chartered bà tự chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng vì không liên quan gì đến ông T1.

Tại phiên Tòa bà xác định do có sự nhầm lẫn trong tính toán nên bà đã yêu cầu ông T1 phải trả số tiền vốn gốc và tiền lãi như trong đơn khởi kiện là chưa chính xác. Nay bà xác nhận ông T1 chỉ còn nợ bà số tiền gốc là 81.750.000 đ (Tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ khi ông T1 không góp tiền cho đến ngày hôm nay là 07 tháng 22 ngày. Do đó bà yêu cầu ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh tổng cộng là 85.543.200 đ làm tròn số là 85.543.000 đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng) tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,6%/tháng. Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ

ngày 23/10/2019 ông T1 vẫn phải chịu trách nhiệm trả tiếp số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền phải trả cho bà theo mức lãi suất 0,6 %/ tháng. Bà xác định số tiền trên là của cá nhân bà không liên quan gì đến ai và bà cho cá nhân ông T1 vay nên bà chỉ yêu cầu cá nhân ông T1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền nêu trên, ngoài ra bà không có yêu cầu ai khác cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông T1 và khi vay tiền ông T1 không có thế chấp tài sản.

Ông Lê Công T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Huỳnh Thiên T và ông Lê Công T1 là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, ông T1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ 46 Đường 37, tổ 1, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, do hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, bà Nguyễn Huỳnh Thiên T là một bên đương sự trong vụ án, có đơn khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Huỳnh Thiên T đối với ông Lê Công T1; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào bản thỏa thuận ngày 12/5/2018 được ký giữa bà Nguyễn Huỳnh Thiên T với ông Lê Công T1 được hai bên ký nhận không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền có nội dung:

“Bên A: Bà Nguyễn Huỳnh Thiên T (CMND số: 025620573); cư ngụ tại quận Gò Vấp. Ngày 12/5/2018 có đứng ra vay giùm một khoản tài khoản 109.000.000 đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng chẵn) từ Ngân hàng Standard Chartered cho

Bên B: Ông Lê Công T1 (CMND số: 023999578); Cư ngụ tại: 46 Đường 37, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích: Bên B vay mượn bên A để làm vốn làm ăn. Và bên B sẽ chịu trách nhiệm đóng trả - góp hàng tháng cho bên A trong vòng 36 tháng với chi phí mỗi tháng là 3.832.117 đ (Ba triệu tám trăm ba mươi hai ngàn một trăm mười bảy đồng) lãi suất 0,6% mỗi tháng. Hạn đóng trả trước ngày 15 mỗi tháng. Nếu sau 03 tháng bên B không đóng đầy đủ thì bên A sẽ nhờ các cơ quan chức năng can thiệp và bên B phải hoàn trả toàn bộ số tiền còn lại theo đúng số tiền gốc và lãi từ ngân hàng trước hạn 36 tháng. Mọi chi phí phát sinh hoặc các vấn đề phát sinh do trễ hạn sẽ do bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm và bên A có quyền khởi tố nếu bên B làm sai thỏa thuận”.

Căn cứ vào giấy cam kết ngày 08/5/2019 được ký giữa bà Nguyễn Huỳnh Thiên T với ông Lê Công T1 được hai bên ký nhận không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền có nội dung: “Ông Lê Công T1 xác nhận có vay bà Nguyễn Huỳnh Thiên T số tiền 109.000.000 đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng), số tiền góp mỗi tháng 3.800.000 đ trong vòng 36 tháng (như bản thỏa thuận). Nhưng hiện tại ông T1 góp trễ 03 tháng (từ tháng 3 đến tháng 5) số tiền còn lại (căn cứ theo sổ bên Ngân hàng) ông T1 cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ lại cho bà T từ ngày 01/6 đến 10/6/2019, có sự nhân chứng từ công an phường Linh Đông (quận Thủ Đức) và 03 bên”. Do ông T1 không thực hiện việc trả tiền đúng hạn như trong bản thỏa thuận nên bà T có đơn khởi kiện. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu đòi nợ của bà Nguyễn Huỳnh Thiên T là có căn cứ.

Xét về số tiền vốn gốc và lãi phát sinh tại phiên Tòa bà T có thay đổi, tuy nhiên số tiền gốc và lãi phát sinh bà T yêu cầu hôm nay thấp hơn số tiền gốc và lãi phát sinh như đã nêu trong đơn khởi kiện là có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận.

[3] Về số tiền lãi: Căn cứ vào lời trình bày của bà T thì thời gian ông T1 không góp tiền cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 22 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận một tháng là 0,6%, như vậy lãi suất một ngày là 0,02 % cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$$81.750.000 \text{ đ} \times 07 \text{ tháng} \times 0,6\% = 3.433.500 \text{ đ}$$

$$81.750.000 \text{ đ} \times 22 \text{ ngày} \times 0,02\% = 359.700 \text{ đ}$$

Tổng cộng tiền lãi là: 3.433.500 đ + 359.700 đ = 3.793.200 đ (Ba triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn hai trăm đồng).

Như vậy số tiền ông T1 phải có trách nhiệm trả cho bà T gồm tiền vốn gốc 81.750.000 đ + tiền lãi phát sinh 3.793.200 = 85.543.200 đ làm tròn số là 85.543.000 đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

[4] Đối với bị đơn ông Lê Công T1 Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào phiếu yêu cầu xác minh của Công an phường Linh Đông, quận Thủ Đức có nội dung “Đương sự Lê Công T1 (sinh năm 1987) có đăng ký thường trú tại địa chỉ 46 Đường 37, tổ 1, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay đang thực tế cư trú tại địa chỉ nói trên”.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt giấy triệu tập ông Lê Công T1 đến Tòa án để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản hoặc chứng cứ, chứng minh cho việc hiện tại ông không còn nợ tiền, như đơn khởi kiện của bà T. Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu đòi nợ của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lê Công T1 phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Huỳnh Thiên T số tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/10/2019 là 85.543.200 đ làm tròn số là 85.543.000 đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông T1 vẫn phải chịu trách nhiệm trả tiếp số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền phải trả cho bà T theo mức lãi suất 0,6 %/ tháng.

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 ông Lê Công T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.277.150 đ (Bốn triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm năm mươi đồng). Bà Nguyễn Huỳnh Thiên T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 2.666.854 (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003306 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Huỳnh Thiên T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Công T1 phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Huỳnh Thiên T số tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/10/2019 là 85.543.000 đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày

xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,6 %/ tháng.

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2-/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Công T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.277.150 đ (Bốn triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm năm mươi đồng). Bà Nguyễn Huỳnh Thiên T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 2.666.854 (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003306 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Huỳnh Thiên T.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu